TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05-10-2020
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Hòa;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31-8-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1988; có đơn vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trương Thanh Q**, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã T2, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc D trình bày:

Chị và và anh Q tự nguyện chung sống vào năm 2007, năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vả. Chị và anh Q không có tiếng nói chung, còn có nhiều mâu thuẫn trong việc giải quyết mọi việc trong gia đình khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh Q ham mê cờ bạc, đánh đề không lo làm ăn chăm sóc gia đình, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh không thay đổi.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trương Thanh Q1, sinh ngày 15-4-2008. Hiện con chung đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toàn án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Thanh Q trình bày:

Anh Q không tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội D, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Anh Q đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, chị D có đơn xin vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, chị D theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D. Về con chung: Chị D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Thanh Q1, sinh ngày 15-4-2008. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị D có đơn xin vắng mặt. Anh Q đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, chị D theo quy định tại Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh Q tự nguyện chung sống từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2 theo quy định. Quá trình chung sống hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do hai bên không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn ngày càng nhiều, từ năm 2019 hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh Q cũng không có thiện chí tham gia tố tụng để tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trương Thanh Q1, sinh ngày 15-4-2008.

Hiện con chung đang sống cùng chị D. Anh Q không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến của anh về con chung. Do đó chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị D. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị D phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc D đối với anh Trương Thanh Q.

1.1. Chị Nguyễn Ngọc D và anh Trương Thanh Q chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trương Thanh Q1, sinh ngày 15-4-2008.

Chị Nguyễn Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Thanh Q1. Ghi nhận chị Nguyễn Ngọc D không yêu cầu anh Trương Thanh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trương Thanh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Chị Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004598 ngày 29-5-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

2.2. Anh Trương Thanh Q không phải chịu.

3.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- UBND xã nơi cấp giấy CN kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HẠ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**